CÂU TRÙNG NGÔN TRONG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN HỮU CHƯƠNG *

Tóm tắt: Câu trùng ngôn là câu có từ ở phần đề/chủ ngữ lặp lại ở phần thuyết/vị ngữ. Có những cấu trúc trùng ngôn khác nhau: A là A, A (x là) A, (Ax) là A, A là (Ax), (Ax1) là (Ax2), A ra A, A thì A, các cấu trúc khẳng định và phủ định có từ phiếm chỉ và những cấu trúc khác. Mỗi cấu trúc có một hay một số nghĩa cơ bản và nghĩa tình thái nhấn mạnh hay những nghĩa tình thái khác. Mỗi cấu trúc trùng ngôn được dùng để biểu thị những hành vi ngôn ngữ khác nhau.

Từ khóa: Câu trùng ngôn, cấu trúc trùng ngôn, ngữ pháp, ý nghĩa, ngữ dụng, hành vi ngôn ngữ.

Abstract: Tautology is a statement that has a word in a theme or a subject repeated in a rheme or a predicate. There are tautologic structures as: A to be A, A (x to be) A, (Ax) to be A, A to be (Ax), (Ax1) to be (Ax2), A must be A, A then A, and some of affirmative and negative structures have indefinite pronoun. Every tautologic structure has one or some basic meaning and modal meaning. Every tautologic structure is used to express some speech acts.

Keywords: Tautology, structure of tautology, grammar, meaning, tautology in use, speech acts.

1. Mở đầu

Câu trùng ngôn là loại câu có từ ở phần đề (theme) lặp lại ở phần thuyết (rheme) trong những cấu trúc cú pháp như: A là A (*trẻ con là trẻ con*), A ra A (*làm ra làm, chơi ra chơi*), A thì A (*đi thì đi*), A nào là A chẳng X (*rượu nào là rượu chẳng nồng*), A gì mà A (*ngon gì mà ngon*), A vẫn hoàn A (*mèo vẫn hoàn mèo*),... (A là từ được dùng lặp lại trong cấu trúc trùng ngôn). Loại câu này không phải chỉ được dùng để nhấn mạnh mà còn được dùng để biểu thị những ý nghĩa mới, theo một phương thức riêng đáp ứng nhu cầu giao tiếp của xã hội. Ở Việt Nam đã có một số nhà nghiên cứu đề cập đến loại câu này tuy nhiên vẫn cần nghiên cứu kỹ hơn.

2. Thuật ngữ và khái niệm câu trùng ngôn

2.1. Thuật ngữ

Trong tiếng Việt, thuật ngữ "câu trùng ngôn" do Cao Xuân Hạo dùng lần đầu trong cuốn *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng* (Quyển 1 - 1991) [6, tr.120]. Trong tiếng Anh là thuật ngữ tautology, tautologic. Thuật ngữ tiếng Anh này bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp là *TauToloyia.*

2.2. Khái niệm câu trùng ngôn

(1) Theo *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học* (Việt - Anh - Pháp - Nga) [10] thì câu trùng ngôn (tautology) là phép lặp từ, dùng từ thừa.

(2) Theo *Từ điển bách khoa ngôn ngữ và ngôn ngữ học* [14]: "Câu trùng ngôn là câu có sự lặp lại của một tham tố của mệnh đề". (Nguyên văn: "Tautology. Rhet. A repetition of an argument of proposition").

(3) Cao Xuân Hạo quan niệm: Câu trùng ngôn là kiểu câu "trong đó Đề và Thuyết lặp lại nhau hoàn toàn, hay ít nhất là phần trung tâm, phần quan trọng nhất về ý nghĩa".

Ví dụ: *Sự thật là sự thật; Con cò là con cò quăm; Đi thì đi; Cuốc thì cuốc mẻ, rựa thì rựa cùn*,... [6, tr.120].

Nhận xét: Định nghĩa (1) ở trên còn chung chung vì chưa nói rõ đặc điểm cú pháp của phép lặp là lặp ở thành phần cú pháp nào trong câu. Định nghĩa (2) tuy đúng nhưng khó áp dụng cho tiếng Việt vì từ ngữ lặp lại trong câu

* *TS - Bộ môn Ngôn ngữ học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh; Email: phuongntl1991@yahoo.com*

trùng ngôn tiếng Việt khi là động từ, tính từ thì không phải là tham tố (argument), ví dụ: *đi thì đi*, *Rằng: Hay thì thật là hay,…* Quan niệm của Cao Xuân Hạo về câu trùng ngôn là rõ nhất vì vừa nêu được đặc trưng từ vựng là phép lặp từ, vừa nêu được đặc trưng cú pháp là từ ở phần đề được lặp lại ở phần thuyết (theo ngữ pháp chủ - vị thì đó là từ ở phần chủ ngữ hay một thành phần phụ khác được lặp lại ở phần vị ngữ, hoặc vị ngữ được lặp lại(ở câu ghép rút gọn, ví dụ: "*đi thì đi*"). Chúng tôi nhận diện câu trùng ngôn theo quan niệm của Cao Xuân Hạo. Đó là: Câu trùng ngôn là câu có phần đề (chủ đề, khung đề) được lặp lại ở phần thuyết.

3. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Ở Việt Nam đã có một số nhà nghiên cứu đề cập đến câu trùng ngôn.

Năm 1980, trong bài báo "Về câu chủ vị có từ nối "là" trong tiếng Việt" [7], Lê Xuân Thại đã nêu nghĩa của loại cấu trúc "Danh + là + Danh" như: *Nghệ thuật là nghệ thuật*, *Sự thực vẫn là sự thực*, *Vay là vay, xin là xin*.

Sách *Ngữ pháp tiếng Việt* (1983) [11, tr.185] phần nói về câu luận, đã quan niệm những câu như: *Nguyên tắc là nguyên tắc*, *Anh ấy vẫn là anh ấy* là loại câu luận biểu thị một đẳng thức x = x. Sách này không bàn gì thêm về loại câu này.

Năm 1988, Anh Đào có bài báo *Nghĩa của cách nói A là A, A ra A ("chiến tranh là chiến tranh", "trường ra trường")* [5].

Cao Xuân Hạo (1991) [5, tr.120-121] đã gọi loại câu có cấu trúc A là A, A thì A là câu trùng ngôn (tautologic). Tác giả đã nêu quan niệm về câu trùng ngôn như đã nêu ở mục trước (mục 2) và nêu nghĩa của một số loại câu trùng ngôn.

Nguyễn Đức Dân (2016) [4, tr.218] đã nêu tiền giả định và nghĩa của cấu trúc: A thì A.

Nhận xét: Như vậy, ba cấu trúc trùng ngôn đã được nghiên cứu về nghĩa và mục đích ngữ dụng là: A là A, A ra A, A thì A. Chúng tôi sẽ bàn thêm về những câu/cấu trúc này và khảo sát những câu/cấu trúc khác.

Những vấn đề được khảo sát là: 1- Đặc điểm về ngữ pháp, 2- Quan hệ logic - ngữ nghĩa của A1 và A2 trong cấu trúc trùng ngôn, 3- Ý nghĩa của cấu trúc trùng ngôn, 4- Đặc điểm ngữ dụng của câu trùng ngôn.

4. Câu trùng ngôn có cấu trúc A là A (A là từ được dùng lặp lại)

4.1. Đặc điểm ngữ pháp của cấu trúc A là A

Trong cấu trúc A là A (tạm gọi là: A1 là A2), từ A1 đứng trước từ *là* có thể là chủ đề, ví dụ: *chó sói là chó sói*, *học là học*, *trắng là trắng*, *tôi là tôi*, có thể là khung đề, ví dụ: *(Bác bảo) đi là đi, Lệnh đi là đi (không thắc mắc)*. Từ A1 ở phần đề nêu đối tượng, từ A2 ở phần thuyết nêu bản chất của đối tượng. Đây là cơ sở cho nghĩa của cấu trúc trùng ngôn A là A.

4.2. Quan hệ logic - ngữ nghĩa của A1 và A2 trong cấu trúc A là A

Vì từ ở vị trí A2 là lặp lại từ ở vị trí A1, từ "là" lại biểu thị quan hệ đồng nhất [7], [8], [9], cho nên quan hệ lô gich ngữ nghĩa của A1 và A2 là đồng nhất. Đồng nhất có nghĩa là "không khác". Đây là cơ sở cho nghĩa của cấu trúc trùng ngôn A là A.

4.3. Nghĩa của cấu trúc trùng ngôn A là A

Cấu trúc A là A được dùng theo ba nghĩa sau: Nghĩa 1: "A bao giờ cũng mang bản chất của A, không thể khác đi, không thể mất đi, không thể thay đổi" và kèm theo nghĩa cơ bản này là nghĩa tình thái nhấn mạnh và những nghĩa tình thái khác (tùy theo tình huống).

Nghĩa 1 này đã được Lê Xuân Thại (1980) [8] và Anh Đào (1988) [5] nêu ra (*xem mục 2*).

Các nhà nghiên cứu nước ngoài cũng đã nêu nghĩa của loại cấu trúc trùng ngôn này trong tiếng Anh (boys will be boys) là "It is what it is" (Nó là cái gì thì nó là cái ấy không thay đổi được nó). (Xem Nathan T. Robinson, *The uses of platitudes*, Current Affairs, August 23, 2017 online).

Nghĩa 2: "A1 nêu điều kiện, A2 nêu một ý kiến". Đây là trường hợp A1 là khung đề, A2 là thuyết (theo ngữ pháp chủ - vị thì đây là cấu trúc: vị ngữ - vị ngữ), ví dụ: *(Bác bảo) đi là đi*.

Nghĩa 3: Là một nghĩa tình thái nhấn mạnh.

Có khi cấu trúc A là A chỉ dùng để nhấn mạnh, không dùng theo hai nghĩa cơ bản như trên. Ví dụ: a. *Bà Hải - (...). Ông cứ mặc tôi. Ông Hải (giận*

dữ) - Mặc là mặc thế nào? [19, tr.70]. b. - *Người làng chả mấy người không biết. Giấu là giấu chúng nó thôi* [17, tr.482]. c. *DƯƠNG (cười) - Nhưng sao lại phải viết trước? NGỌC CẨM - Về là về được ngay hay sao?* [25, tr.252]. Cao Xuân Hạo [6, tr.120-121] đã nêu ra nghĩa nhấn mạnh này và coi đây là nghĩa chung của cấu trúc trùng ngôn A là A.

4.4. Đặc điểm ngữ dụng của câu trùng ngôn dùng cấu trúc A là A

Câu trùng ngôn có cấu trúc A là A được dùng để biểu thị một số hành vi ngôn ngữ nhất định.

(1) Dùng để xác định, khẳng định bản chất của đối tượng do A1 biểu thị là không thể khác đi, không thể thay đổi. Chẳng hạn, khi thấy người khác quá đề cao hay hạ thấp tính cách của một đứa trẻ thì người ta khuyến cáo hay bênh vực bằng cách nói: *Trẻ con là trẻ con*, Người Anh cũng nói như vậy: *boys will be boys*.

(2) Dùng để thể hiện một quan điểm hành xử của người nói.

Đó là phải hành xử theo đúng nguyên tắc, việc nào xử lý theo việc ấy, không để việc này làm ảnh hưởng đến việc kia. Ví dụ: a. *Nhật tụng của nhà thầu khoán? Công việc là công việc* [24, tr.317]. b. *Yêu là yêu chứ không là gì khác nữa* [18, tr.145].

(3) Dùng để khuyên răn, nhắc nhở người khác nên xử lý tách bạch từng việc. Ví dụ: *LINH - Ơ hay! Sao các bà cứ thích cái lối làm ăn tùy tiện nhỉ! Tổng kết là tổng kết, sản xuất là sản xuất, đằng nào ra đằng ấy chứ* [19, tr.14].

(4) Dùng để phân biệt bản chất của đối tượng. Ví dụ: *Ngửa mặt lên! Trắng là trắng, đen là đen! Nó không cho chú núp trốn trong màu lem luốc đâu!* [26, tr.114].

(5) Dùng để khẳng định rằng đối tượng là cùng một loại không có gì khác trong đó.

Ví dụ: a. *Ăn toàn rau là rau.* b. *Học thì toàn điểm kém là điểm kém*.

(6) Dùng để khẳng định với người nghe là dứt khoát không thay đổi ý kiến. Ví dụ: a. *Hiền - Ờ! Không chơi thế đâu nhé! Đã bảo không xem được là không xem được* [19, tr.31]. b. *Tôi nói một là một, hai là hai*.

(7) Dùng để biểu thị sự hạn định về số lượng. Ví dụ: *Nay cấm làm chính trị, mai khuyên làm chính trị, ngày kia lại cấm, ngày kìa lại khuyên, ai biết đằng nào mà lần, thế mà vẫn rằng chỉ biết một là một, hai là hai* [17, tr.531].

(8) Dùng để từ chối. Ví dụ: *(Nghị Lại) - Tôi không hiểu sao pháp luật lại quá bất công thế... (Người Tây đoan) - phải điều đó tôi cũng hiểu và không ngờ gì ông cả, nhưng pháp luật là pháp luật* [17, tr.36].

(9) Dùng để xác nhận ý kiến của mình. Ví dụ: *DƯƠNG - Đã gặp chưa? NGỌC CẨM - Chưa. DƯƠNG - Sao lại chưa? NGỌC CẨM - Chưa là chưa chứ sao lại chưa?* [25, tr.251].

(10) Dùng để thể hiện hành vi chấp nhận vô điều kiện. Ví dụ: *Lệnh đi là đi không thắc mắc* [25, tr.331].

(11) Dùng để giải thích. Ví dụ: *CHỊ HÒA - Để ngửa lên còn gì là hàng nữa. Cần là cần cái bên trong chứ cần gì cái vỏ ngoài* [19, tr.116].

(12) Dùng để chứng minh. Ví dụ: *ÔNG GIÀ - Tôi không trốn. Tôi trốn là trốn rồi* [26, tr.105].

5. Câu trùng ngôn có cấu trúc A (x là) A (A là từ được dùng lặp lại, x là từ phụ của từ "là")

Cấu trúc A (x là) A là cấu trúc có phó từ đi kèm với từ "là". Ví dụ: *Đục trong thân cũng là thân* [16], *Ruột thịt vẫn là ruột thịt*, *Ngon thậm là ngon*,...

Cấu trúc A (x là) A là một biến thể của cấu trúc A là A. Quan hệ ngữ pháp, quan hệ lô gích - ngữ nghĩa và nghĩa về cơ bản giống cấu trúc A là A. Điểm khác nhau là cấu trúc này có thêm nghĩa tình thái do phó từ đi kèm với từ "là" biểu thị và thường được dùng để nói về những sự việc cụ thể, giống như cách dùng các thành ngữ.

Cấu trúc A (x là) A cũng được dùng để biểu thị một số hành vi ngôn ngữ tương tự như cấu trúc A là A. Chẳng hạn:

(1) Dùng để xác định/khẳng định bản chất của đối tượng thông qua đối chiếu. Ví dụ: *NGUYÊN (kế toán) - Đến một đồng mà sai cũng là sai bác ạ* [19, tr.7].

(2) Dùng để biểu thị hành vi thừa nhận. Ví dụ: *Nói thế thôi chứ ruột thịt vẫn là ruột thịt*" [20, tr.407].

(3) Dùng để nhận xét về mức độ của tính chất (Hành vi này không thấy có khi dùng cấu trúc A là A). Ví dụ: *Bánh tráng nhân đường ngon thậm là ngon. Đến cơn đánh đòn đau thậm là đau* [21].

6. Câu trùng ngôn có cấu trúc (Ax) là A (A là từ được dùng lặp lại, x là từ phụ của A1)

6.1. Đặc điểm ngữ pháp của cấu trúc (Ax) là A

Trong cấu trúc này, Ax là phần đề/chủ ngữ, "là A" là phần thuyết/vị ngữ. Phần đề nêu đối tượng, phần thuyết nêu đặc trưng phản ánh bản chất của đối tượng. Ví dụ: a. *Đêm qua mới gọi là đêm, Ruột xót như muối dạ mềm như dưa* [21]. b. *Con nuôi cũng là con.* c. *Vay một ngàn cũng là vay.* d. *Khó ơi là khó.*

6.2. Quan hệ logic - ngữ nghĩa của Ax và A trong cấu trúc (Ax) là A

Khi A là danh từ: Khi A là danh từ thì x là định ngữ hạn định. Ax ở phần đề chỉ chỉ một đối tượng hay một tập hợp đối tượng chứ không chỉ cả chủng loại. Từ A ở phần thuyết chỉ chủng loại. Như vậy, về mặt lô gích, quan hệ giữa Ax và A là: (Ax) được bao hàm trong A, ký hiệu: Ax $\subset$ A. Theo Nguyễn Đức Dân "quan hệ bao hàm cũng là quan hệ đồng nhất" [2]. Đây là quan hệ đồng nhất bộ phận. Quan hệ đồng nhất này cho thấy Ax thuộc chủng loại A và mang tính chất của chủng loại A.

Khi A là động từ, tính từ: Khi A là động từ hay tính từ thì x là bổ ngữ hay trạng ngữ. Ví dụ: a. *Ăn ít cũng là ăn.* b. *Giết con kiến cũng là giết.* c. *Đẹp ơi là đẹp*. Khi có x thì nghĩa của cụm động từ, tính từ Ax đã bị hạn định, chỉ chỉ những hành động, tính chất cụ thể, không chỉ loại hành động, tính chất nói chung nữa. Vì vậy, quan hệ giữa Ax và A là quan hệ giữa cái cụ thể/cái riêng (Ax) và cái chung chỉ loại (A).

6.3. Ý nghĩa của cấu trúc (Ax) là A

(Ax) là A biểu thị một ý nghĩa mang nội dung định tính: "Ax mang/không mang bản chất là A và ý nhấn mạnh".

6.4. Đặc điểm ngữ dụng của câu trùng ngôn có cấu trúc (Ax) là A

Loại câu trùng ngôn này được dùng để bình phẩm, nhận xét vê tính chất của đối tượng do Ax biểu thị. Ví dụ: a. *Đêm qua mới gọi là đêm, Ruột xót như muối, dạ mềm như dưa* [21]. b. *Cháu ví dụ các cha ấy không phải là cha, chỉ là người thường thôi thì người dân sẽ công khai mà lên án, oán giận* [17, tr.502]. c. *Mấy lời tâm phúc ruột rà, Tương tư dường ấy mới là tương tư* [16]. d. *Phận bèo bao quản nước sa, Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh* [16]. e. *Con nào cũng là con.* f. *Con nuôi cũng là con.* g. *Bà Hải (mẹ) - Ngốc ơi là ngốc. Thế con mất bút máy có ai trả con không?* [19, tr.71].

7. Câu trùng ngôn có cấu trúc A là (Ax) hay A là (xA) (A là từ được dùng lặp lại, x là từ phụ của A2)

7.1. Đặc điểm ngữ pháp của cấu trúc A là (Ax)/A là (xA)

Trong cấu trúc A là (Ax), A là phần đề/chủ ngữ, Ax là phần thuyết/vị ngữ. Phần đề nêu đối tượng, phần thuyết định loại hay định tính cho đối tượng. Ví dụ: *Cuốc là cuốc mẻ, rựa là rựa cùn; Học là học vẹt; Đỏ là đỏ chói; Ăn là ăn nhạt; Uống là uống nước sôi,...*

7.2. Quan hệ logic - ngữ nghĩa của A và Ax trong cấu trúc A là (Ax)

Khi A là danh từ: A chỉ chủng loại, Ax chỉ một cá thể hay một tập hợp đối tượng. Quan hệ lô gích ngữ nghĩa của A và Ax là quan hệ bao hàm: A bao hàm Ax, ký hiệu: (A $\supset$ Ax). Như đã nêu ở phần trước: "quan hệ bao hàm cũng là quan hệ đồng nhất" [2]. Quan hệ đồng nhất ở đây là đồng nhất bộ phận. Quan hệ đồng nhất cho thấy Ax vẫn thuộc chủng loại A, vẫn mang tính chất, đặc điểm của chủng loại A.

Khi A là động từ, tính từ: A chỉ loại hành động, tính chất nói chung, Ax chỉ một hành động, tính chất cụ thể nào đó, có đặc điểm, tính chất nào đó (x biểu thị tính chất, đặc điểm của Ax).

7.3. Ý nghĩa của cấu trúc A là (Ax)

Khi A là danh từ: Cấu trúc A là (Ax) có hai nghĩa: (1) Nghĩa định loại: "A là loại Ax". Ví dụ: *Chó là chó Phú Quốc. Cam là cam sành.* (2) Nghĩa định tính: "A là A có đặc điểm, tính chất x". Ví dụ: *Chó là chó hoang. Cuốc là cuốc mẻ, rựa là rựa cùn.*

Khi A là danh từ, cấu trúc còn có dạng: A là (xA). Từ phụ x là tính từ chỉ mức độ hay số lượng. Nghĩa của cấu trúc A là (xA) là một nghĩa mang nội dung định lượng: A là (xA). Ví dụ: *Cùng nhau giao bái một nhà, Lễ là đủ lễ, đôi là đủ đôi* [16].

Khi A là động từ, tính từ: Nghĩa của cấu trúc A là Ax là một nghĩa định tính: "A là A có

đặc điểm/tính chất x". Ví dụ: *Vui là là vui gượng, cười là cười khuây* [21].

7.4. Đặc điểm ngữ dụng của câu trùng ngôn có cấu trúc A là (Ax)

Khi A là danh từ: Câu trùng ngôn có cấu trúc A là Ax được dùng để biểu thị hành vi định loại hay định tính cho đối tượng được nói đến ở A.

(1) Dùng để định loại cho đối tượng được nói đến.

Định loại từ chủng loại sang một loại. Ví dụ: a. *Nước là nước giếng*. b. *Quân tử là quân tử Tàu, Ăn cơm thì ít, ăn rau thì nhiều* [21].

Định loại từ một tiểu loại sang một loại. Ví dụ: *Gió nồm là gió nồm nam, Trách chàng quân tử ăn tham không mời* [21]. Có hai loại gió nồm: gió nồm đông nam và gió nồm nam (bất thường).

Định loại để phân biệt những cái tên riêng đồng âm. Ví dụ: *Thúy Kiều là Thúy Kiều kiêu, Cơm trưa không có quăng niêu ra vườn* [21].

(2) Dùng để định tính cho đối tượng được nói đến. Ví dụ: a. *Cuốc là cuốc mẻ, rựa là rựa cùn*. b. *Ông bác coi kìa, máy bay, tàu chiến nó, súng đạn nó,... Một bước là một bước chết* [26, tr.110].

Khi A là động từ, tính từ: Cấu trúc A là Ax dùng để biểu thị hành vi nhận xét (bình luận) về tính chất của đối tượng do A biểu thị. Ví dụ: a. *Vui là vui gượng, cười là cười khuây* [21]. b. *Mua là mua đứt, bán là bán đoạn*.

8. Câu trùng ngôn có cấu trúc (Ax1) là (Ax2) (A là từ được dùng lặp lại, x1 là từ phụ của A1, x2 là từ phụ của A2)

8.1. Đặc điểm ngữ pháp của cấu trúc (Ax1) là (Ax2)

Trong cấu trúc Ax1 là Ax2, Ax1 là phần đề/chủ ngữ, Ax2 là phần thuyết/vị ngữ. Phần đề nêu đối tượng được nói đến, phần thuyết nêu nội dung định loại, định quan hệ sở hữu hay định tính, ví dụ: a. *Của rẻ là của ôi, của đầy nồi là của không ngon*. b. *Công cấy là công bỏ, công làm cỏ là công ăn*. c. *Ăn quà là ăn chơi*. d. *Béo phì là béo bệnh*. e. *Xe này là xe của giám đốc*.

8.2. Quan hệ logic - ngữ nghĩa của Ax1 và Ax2 trong cấu trúc Ax1 là Ax2

Khi A là danh từ: Cả Ax1 và Ax2 đều chỉ một cá thể hay một tập hợp cá thể, không chỉ cả chủng loại nói chung. Quan hệ logic của cấu trúc Ax1 là Ax2 là Ax1 được bao hàm trong Ax2, ký hiệu: Ax1 ⊂ Ax2. Ví dụ: a. Nói: *Của rẻ là của ôi* thì tập hợp: "của rẻ" được bao hàm trong tập hợp "của ôi". Ax1 mang thuộc tính Ax2. b. Nói: *Con chó này là chó Phú Quốc* thì cá thể "con chó này" được bao hàm trong tập hợp "chó Phú Quốc". c. Nói: *Xe này là xe của giám đốc* thì cá thể "xe này" được bao hàm trong tập hợp: "xe của giám đốc". Như vậy Ax1 nêu đối tượng, Ax2 nêu tiểu loại, quan hệ sở hữu hay đặc điểm của đối tượng đó. Phép lặp cho thấy Ax2 và Ax1 có quan hệ đồng nhất bộ phận. Quan hệ đồng nhất bộ phận cho thấy Ax2 vẫn biểu thị Ax1 nhưng với một nội dung nghĩa mới nào đó.

Khi A là động từ, tính từ: Cả Ax1 và Ax2 đều chỉ những hành động, tính chất cụ thể, không chỉ loại nói chung như khi chỉ dùng A. Ax1 nêu đối tượng là một loại hành động, tính chất nào đó, Ax2 nêu đặc điểm, tính chất của đối tượng. Ví dụ: a. *Ăn quà là ăn chơi*. b. *Béo phì là béo bệnh*. c. *Bệnh tôi là bệnh già*.

8.3. Nghĩa của cấu trúc Ax1 là Ax2

Khi A là danh từ: Cấu trúc Ax1 là Ax2 có 3 nghĩa như sau:

(1) Nghĩa định loại: Ax1 là loại Ax2 và ý nhấn mạnh. Ví dụ: *Lúa này là lúa tẻ*.

(2) Nghĩa chỉ quan hệ sở hữu: Ax1 là A của x2 và ý nhấn mạnh. Ví dụ: *Chiếc xe nảy là chiếc xe của ông An*.

(3) Nghĩa định tính: Ax1 là A có đặc điểm x2 và ý nhấn mạnh. Ví dụ: *Của rẻ là của ôi, của đầy nồi là của không ngon*.

Khi A là động từ, tính từ: Cấu trúc Ax1 là Ax2 có nghĩa như sau: Nghĩa định tính: Ax1 là A có đặc điểm x2 và ý nhấn mạnh. Ví dụ: *Khôn vặt là khôn dại*.

8.4. Đặc điểm ngữ dụng của câu trùng ngôn có ấu trúc Ax1 là Ax2

Khi A là danh từ: Câu trùng ngôn có cấu trúc Ax1 là Ax2 được dùng để biểu thị một số hành vi ngôn ngữ nhất định. Chẳng hạn:

(1) Dùng để nêu/xác định loại của đối tượng

do Ax1 biểu thị. Ví dụ: a. *Lúa này là lúa tẻ*. b. *Cam này là cam sành*.

(2) Dùng để xác định quan hệ sở hữu. Ví dụ: a. *Đất này là đất công*. b. *Em khôn cũng là em chị, Chị dại cũng là chị em* [21]. c. *CHÂU - (...). Vì ước mơ của đất cũng chính là ước mơ của người* [23, tr.7].

(3) Dùng để xác định đặc điểm, tính chất của đối tượng do Ax1 biểu thị. Ví dụ: a. *Của rẻ là của ôi, của đầy nồi là của không ngon*. b. *Quân tử nhất ngôn là quân tử dại, Quân tử nói đi nói lại là quân tử khôn* [21]. c. *LỘC - Mười, tám! Trời ơi. Cái tuổi của chú là cái tuổi đầy ước mơ, khát vọng* [23, tr.41]. *Cái nồi này là cái nồi gang*.

Khi A là động từ, tính từ: Câu trùng ngôn có cấu trúc Ax1 là Ax2 dùng để nhận xét, đánh giá về đối tượng do Ax1 biểu thị. Ví dụ: a. *Nói dài, nói dai là nói dại*. b. *Rét đậm là rét hại*.

9. Câu trùng ngôn có cấu trúc A ra A (A là từ được dùng lặp lại)

9.1. Đặc điểm ngữ pháp của cấu trúc A ra A (A1 ra A2)

Cấu trúc A ra A là một cấu trúc đề thuyết (A1 là phần đề, "ra A2" là phần thuyết), hay chủ ngữ - vị ngữ. Phần đề/chủ ngữ nêu đối tượng để nhận định, phần thuyết nêu nội dung của nhận định là một yêu cầu hay một kết quả nào đó. Ví dụ: *ngô ra ngô*, *khoai ra khoai*, *học ra học*, *chơi ra chơi*, *trắng ra trắng*, *đen ra đen*.

9.2. Quan hệ logic - ngữ nghĩa của A1 và A2 trong cấu trúc A ra A

Trong cấu trúc A ra A, từ ở A2 là từ lặp lại của từ ở A1, do đó nghĩa từ vựng của A1 và A2 là đồng nhất. Tính đồng nhất này biểu thị một nội dung mới là: A phải đúng là A không thể khác đi.

9.3. Ý nghĩa của cấu trúc A ra A

Cấu trúc trùng ngôn A ra A có hai nghĩa:

(1) Nêu một yêu cầu nào đó. Ví dụ: a. *Làm ra làm, chơi ra chơi*. b. *Trong trường thì thầy phải ra thầy, trò phải ra trò*. c. *Phải xếp sách và tạp chí riêng ra, sách ra sách, tạp chí ra tạp chí*. (Nghĩa 1 này Anh Đào đã nêu ra trong [5]).

(2) Nêu một kết quả nào đó. Ví dụ: *Thành phố này có một qui hoạch hợp lý, khu hành chính ra khu hành chính, khu dân cư ra khu dân cư*. (Nghĩa 2 này Anh Đào [5] gọi là nghĩa khen ngợi).

9.4. Đặc điểm ngữ dụng của câu trùng ngôn có cấu trúc A ra A

Câu trùng ngôn có cấu trúc A ra A được dùng để biểu thị một số hành vi ngôn ngữ nhất định. Chẳng hạn như:

(1) Dùng để nêu yêu cầu phải làm đúng theo tính chất của công việc. Ví dụ: *(Con phải) học cho ra học, chơi cho ra chơi*.

(2) Dùng để nêu yêu cầu phải thể hiện đúng phẩm chất của tư cách, cương vị mình đang có. Ví dụ: a. *Cha ra cha, con ra con*. b. *NGƯỜI BÁC SĨ - (...). Anh tưởng tôi giúp anh trốn tránh nhiệm vụ thanh niên của anh à? Tôi phải giúp anh sống cho ra sống* [26, tr.93].

(3) Dùng để nêu yêu cầu phải phân biệt rõ, xác định rõ tính chất của sự vật, sự việc. Ví dụ: *Tôi phải cho nó một trận nhừ tử, ngô ra ngô, khoai ra khoai, lấy vợ thế này cũng bằng thừa* [25, tr.381].

(4) Dùng để yêu cầu làm việc phải có nguyên tắc, không được xử lý nhập nhằng, lẫn lộn. Ví dụ: *NGUYÊN - Chết, làm như vậy không được, nguyên tắc tài chính là tiền nào ra tiền ấy chứ* [19, tr.7].

(5) Dùng để nhận xét về một kết quả hành động nào đó. Ví dụ: *Nhà cửa được thiết kế hợp lý, phòng khách ra phòng khách, phòng học ra phòng học, đâu ra đấy*.

10. Câu trùng ngôn có câu trúc "A thì A" (A là từ được dùng lặp lại)

10.1. Đặc điểm ngữ pháp của câu trùng ngôn có cấu trúc A thì A

Cấu trúc A thì A là một cấu trúc: khung đề - thuyết, hay vị ngữ - vị ngữ, từ "thì" phân giới đề - thuyết. Phần khung đề nêu một điều kiện nào đó, phần thuyết nêu một ý kiến nào đó. Ví dụ: *Vui thì vui vậy, chẳng tầy Giã La* [21]. *Nàng rằng: Thôi thế thì thôi, Rằng không thì cũng vâng lời rằng không* [16].

10.2. Quan hệ logic - ngữ nghĩa của A1 và A2 trong cấu trúc A thì A

Vì A2 là từ lặp lại của từ ở A1 nên nghĩa từ vựng của A1 và A2 là đồng nhất. Đồng nhất ở đây được hiểu là "không thay đổi".

10.3. Nghĩa của cấu trúc "A thì A"

Như đã trình bày ở trên, trong cấu trúc A thì A, phần đề/vị ngữ nêu điều kiện, phần thuyết/vị ngữ nêu ý kiến nào đó. Phần ý kiến đó chính là ý nghĩa của cấu trúc này. Ngoài những nghĩa mà Nguyễn Đức Dân [4, tr.218] và Cao Xuân Hạo [6, tr.120-121] đã nêu như: *chấp nhận*, *miễn cưỡng*, *nhận lời thách thức*, *thách thức*, *bình luận*, cấu trúc này còn có những nghĩa khác nữa như: *thừa nhận*, *bất chấp*, *đề nghị*, *yêu cầu*, *thúc giục*, *khuyên*, *bác bỏ*, *chê bai*, *ao ước*, *đối chiếu*. Tất cả các nghĩa đều được thể hiện qua các hành vi ngôn ngữ tương ứng.

10.4. Đặc diểm ngữ dụng của câu trùng ngôn có cấu trúc A thì A

Câu trùng ngôn có cấu trúc A thì A được dùng để biểu thị một số hành vi ngôn ngữ nhất định. Chẳng hạn như:

(1) Dùng để biểu thị hành vi chấp nhận có ý miễn cưỡng. Ví dụ: a. *Có chị, chồng tí tởn, mèo mỡ đã bình tĩnh: - Ăn đâu thì ăn, rồi cũng phải về mà ăn cơm nhà thôi* [27]. b. *THOA: Những ngày tới tôi đều phải họp. HƯNG: (...). Họp thì họp chứ buổi tối chị vẫn có thời gian rảnh chứ gì?* [20, tr.45-46]. c. *Một mình cay đắng trăm đường, Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi* [16].

(2) Dùng để biểu thị hành vi thừa nhận. Ví dụ: a. *BÀ HOÀNG: Nỡm ạ, tôi lười thì lười thật nhưng chưa đến nỗi phải nhờ người bón cơm* [20, tr.497]. b. *LAN - Không, nguy hiểm lắm cậu ạ. BS. THÀNH (...) - Nguy hiểm thì vẫn là nguy hiểm* [25, tr.336]. c. *Thầy bói gieo quẻ bảo rằng, Lợi thì có lợi nhưng răng không còn*. d. *Khen ai khéo đúc chuông chì, Dạng thì có dạng đánh thì không kêu* [21].

(3) Dùng để biểu thị hành vi nhận xét / bình luận. Ví dụ: a. *Rằng hay thì thật là hay, Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào* [16]. b. *Bơi Đăm, rước Giá, hội Thầy, Vui thì vui vậy chẳng tầy Giã La* [21]. c. *Tóc ngắn thì tóc lại dài, Ba tuồng mặt rỗ đá mài không trơn* [21].

(4) Dùng để biểu thị hành vi thách thức. Ví dụ: a. *Muốn vạch nhau thì cùng vạch! Bịp ai chứ bịp tay này thì tay này ít sợ* [17, tr.531]. b. *NGỌC (nói với Hải Bằng) -Bố cấm em sáng mai không được đi duyệt binh ở sân vận động nữa. Muốn báo cáo ai thì báo cáo, dứt khoát là không đi duyệt binh* [23, tr.86].

(5) Dùng để biểu thị hành vi bày tỏ thái độ bất chấp trước một việc bất lợi. Ví dụ: a. *Trời mưa thì mặc trời mưa, Tôi không có nón trời chừa tôi ra*". [21]. b. *Gì thì gì chứ tôi không bỏ cuộc*.

(6) Dùng để biểu thị hành vi đề nghị hay yêu cầu. Ví dụ: *BÀ THẢN (nói với cô Hiền) - Bác đang bảo với ông Trung, phê bình thằng nó có thiếu sót thì cứ phê bình còn cái việc lên lương lên bậc cho nó thì cứ lên có phải không cháu nhỉ?* [9, tr.35].

(7) Dùng để biểu thị hành vi thúc giục. Ví dụ: *Con ơi, đi thì đi ngay đi kẻo trễ giờ học*.

(8) Dùng để biểu thị hành vi khuyên. Ví dụ: a. *Đơm xôi thì đơm cho đầy, Đơm mà vơi đũa thì thầy không ưa*". b. *Sông sâu cá lặn vào bờ, Lấy ai thì lấy, đợi chờ nhau chi* [21]. c. *Chơi thì chơi chốn cho thanh, Tuy rằng lộ tiết nhưng danh để đời* [21].

(9) Dùng trong hành vi bác lời của người khác. Ví dụ: *LINH - Trời ơi, xe thì mặc xe, cái chìa khóa cơ mà?* [19, tr.21].

(10) Dùng để biểu thị hành vi chê bai. Ví dụ: *Ăn thì ăn những miếng ngon, Làm thì chọn những việc cỏn con mà làm* [21].

(11) Dùng để biểu thị hành vi ao ước. Ví dụ: *Sống thì sống đủ một trăm, Chết thì chết giữa hăm lăm tháng Mười* [21].

(12) Dùng để biểu thị hành vi đối chiếu. Ví dụ: a. *Thuyền đua thì lái cũng đua, Thuyền lên trên bờ thì lái chết toi*". [21]. b. *Tiếc rằng trong giá trắng ngần, Đến phong trần cũng phong trần như ai* [16].

11. Câu trùng ngôn có cấu trúc khẳng định, phủ định dùng từ phiếm chỉ và một số cấu trúc khác (A là từ được dùng lặp lại)

11.1. Đặc điểm ngữ pháp của cấu trúc trùng ngôn có từ phiếm chỉ và một số cấu trúc khác

Đó là những cấu trúc như: "A nào là A chẳng x", "A gì mà A", "A đâu A chẳng có x", "A vẫn hoàn A",... Những cấu trúc này có thể được dùng độc lập làm câu hoặc dùng làm một thành phần câu. Trong những cấu trúc này A1 là phần đề, A2 làm phần thuyết. Hoặc, A1 là chủ ngữ - A2 là vị ngữ (ví dụ: *Ớt nào là ớt*

chẳng cay), A1 là vị ngữ - A2 là vị ngữ (Ví dụ: *Ngon gì mà ngon*), A1 là thành phần than gọi - A2 là chủ ngữ (Ví du: *Trời sao, trời ở chẳng cân*).

11.2. Quan hệ logic - ngữ nghĩa của A1 và A2

Vì A2 là từ ở A1 lặp lại nên nghĩa từ vựng của A1 và A2 là đồng nhất.

11.3. Nghĩa của một số cấu trúc

(1) Nghĩa khẳng định phiếm chỉ và ý nhấn mạnh. Ví dụ: *Ớt nào là ớt chẳng cay*.

(2) Nghĩa phủ định phiếm chỉ và ý nhấn mạnh. Ví dụ: *Ngon gì mà ngon*.

(3) "A dù thế nào vẫn mang bản chất của loại A" (tương tự nghĩa của cấu trúc A là A).

Ví dụ: *Mèo vẫn hoàn mèo*.

(4) Ý nghĩa tình thái nhấn mạnh. Ví dụ: *Trời sao trời ở chẳng cân, Người ăn không hết người lần chẳng ra* [21].

11.4. Đặc điểm ngữ dụng của câu trùng ngôn có từ phiếm chỉ và một số loại câu trùng ngôn khác

Câu trùng ngôn loại này được dùng để biểu thị một số hành vi ngôn ngữ nhất định. Chẳng hạn như:

(1) Dùng để khẳng định phiếm chỉ với ý nhấn mạnh là không có ngoại lệ. Ví dụ: *Rượu nào là rượu chẳng nồng, Gái nào là gái có chồng chẳng ghen.*

(2) Dùng đề phủ định hay bác bỏ phiếm chỉ với ý nhấn mạnh. Ví dụ: a. *Ngon gì mà ngon*. b. *Hay gì mà hay*.

(3) Dùng để xác định/khẳng định rằng bản chất của đối tượng là không thể khác đi, không thể thay đổi. Ví dụ: *Mèo vẫn hoàn mèo*.

(4) Dùng để bộc lộ ý cảm thán với ý nhấn mạnh. Ví dụ: *Dơ (ngu) đâu, dơ (ngu) chẳng có ngần, Ruốc (dại) đâu, ruốc (dại) chẳng để phần cho ai* [21].

12. Kết luận

Phép lặp trong cấu trúc trùng ngôn tạo ra một quan hệ đồng nhất toàn bộ hay bộ phận về nghĩa của từ A ở phần đề và phần thuyết. Quan hệ đồng nhất về nghĩa biểu thị một nội dung mới là sự vật, hành động, tính chất,… bao giờ cũng mang bản chất của chủng loại/loại của nó không thể khác đi. Đây là một cơ sở để tạo ra nghĩa chung của cấu trúc trùng ngôn.

Cấu trúc cú pháp đề - thuyết/chủ - vị có vai trò biểu thị nghĩa cú pháp của toàn cấu trúc trùng ngôn, phần đề nêu đối tượng, phần thuyết nêu nhận định, cho nên tuy nghĩa từ vựng của A ở phần đề và phần thuyết là đồng nhất nhưng nghĩa cú pháp vẫn khác nhau. Đây cũng là một cơ sở để tạo ra nghĩa chung của cấu trúc trùng ngôn.

Mỗi cấu trúc trùng ngôn có thể có một hay một số nghĩa cơ bản. Mỗi nghĩa cơ bản có thể được dùng để biểu thị những hành vi ngôn ngữ khác nhau tùy theo tiền giả định và tình huống giao tiếp.

Ngoài nghĩa cơ bản, mỗi cấu trúc trùng ngôn còn có nghĩa tình thái nhấn mạnh do phép lặp từ tạo ra hay những nghĩa tình thái khác. Thường khi dùng hai cấu trúc trùng ngôn kế tiếp nhau thì những nghĩa tình thái khác thể hiện rỏ hơn.

Cấu trúc trùng ngôn là cấu trúc tự do, có tính sản sinh cao nhưng lại được dùng nguyên khối giống như các thành ngữ. Đã có một số cấu trúc trùng ngôn trở thành thành ngữ, chẳng hạn như: *trẻ con là trẻ con*, *cừu là cừu, chó sói là chó sói*, *ngô ra ngô, khoai ra khoai*,...

Như vậy, phép lặp từ trong cấu trúc trùng ngôn là phép lặp có những nét đặc biệt về mặt tu từ, ngữ pháp và logic - ngữ nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Đức Dân, *Về cấu trúc "Danh + là +Danh"*, *Ngôn ngữ*, số 1, 1976.

[2] Nguyễn Đức Dân, *Thảo luận thêm về cấu trúc "Danh+ là+ Danh"*, *Ngôn ngữ*, số 2, 1978.

[3] Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.

[4] Nguyễn Đức Dân, *Lô gích - ngữ nghĩa từ hư tiếng Việt*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2016.

[5] Anh Đào, *Nghĩa của cách nói "A là A", "A ra A" (chiến tranh là chiến tranh", "trường ra trường")*, *Tiếng Việt* (số phụ của Tạp chí *Ngôn ngữ*), số 1, 1988.

[6] Cao Xuân Hạo, *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Quyển 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.

[7] Lê Xuân Thại, *Bàn về cấu trúc "Danh + là + Danh" và các mối quan hệ của nó*, Ngôn ngữ, số 1, 1975.

[8] Lê Xuân Thại, *Về câu chủ vị có từ nối "là" trong tiếng Việt*, *Ngôn ngữ*, số 3, 1980.

[9] Trần Ngọc Thêm, *Bàn thêm về cấu trúc "Danh + là + Danh"*, *Ngôn ngữ*, số 1, 1977.

[10] Lê Đức Trọng, *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học (Việt - Anh - Pháp - Nga)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 1993.

[11] Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.

[12] Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển Ngôn ngữ, Hà Nội, 1992.

[13] Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1996.

[14] Asher R.E., Simpson J.M.Y., *The encyclopedia of language and linguistics*, Pergamon Press, Oxford, NewYork, Seoul, Tokyo, 1994.

NGỮ LIỆU TRÍCH DẪN

[15] Tùng Bách, *Kịch Phía trước*, Nxb. Giải phóng, Hà Nội, 1972.

[16] Nguyễn Du, *Truyện Kiều* (Việt Chương chú giải), Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000.

[17] Nguyễn Công Hoan, *Tuyển tập Nguyễn Công Hoan, tập II*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1984.

[18] Khái Hưng, *Bên dòng sông Hương*, trong "Anh phải sống", Nxb. Văn học, Hà Nội, 2002.

[19] Vũ Hữu, Đỗ Tin Tưởng, Bá Minh, Thúy Hải, Ngọc Lương, Vũ Đồng, Phương Khánh, *Tập kịch ngắn*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, 1971.

[20] Nguyễn Khải, *Ký sự và kịch*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2003.

[21] Nguyễn Văn Ngọc, *Tục ngữ phong dao*, Mặc Lâm xuất bản, Sài Gòn, 1967.

[22] Ba Thợ Tiện, *Thả cửa*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 1992.

[23] Nguyễn Trọng Trí, Kiều Loan, Quốc Trị, Hương Lan, Hoài Giao, *Tập kịch ngắn Ước mơ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977.

[24] Lê Văn Trương, *Tôi thầu khoán hay là ba tháng ở Trung Hoa*, *trong Đi Tàu đi Tây*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2002.

[25] Nguyễn Huy Tưởng, *Tuyển tập Nguyễn Huy Tưởng*, Tập II, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1985.

[26] Nguyễn Vũ, *Kịch Bước chân*, Nxb. Giải phóng, Hà Nội, 1972.

[27] Báo *Phụ nữ Việt Nam cuối tuần*, ngày 10. 4. 2003.

⇒ *Tiếp theo trang 13* (**CÁC LÝ THUYẾT VỀ PHÂN LOẠI SỰ TÌNH...**)

Từ đó, ta có thể thấy rằng cấu trúc sự tình và cấu trúc thể cần phải được xác định dựa trên các mối quan hệ không gian - thời gian giữa các thành tố cấu tạo sự tình, hay nói cách khác, chỉ bình diện thời gian không thể cung cấp đầy đủ các tham số để một sự tình có thể được miêu tả một cách chính xác và có hệ thống trên phương diện loại sự tình và ý nghĩa thể.(*)

CHÚ THÍCH

(*) Bài viết này là một phần trong công trình nghiên cứu của chúng tôi được Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh tài trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Dowty, D., *Word meaning and Montague grammar: the semantics of verbs and times in generative semantics and in Montague's PTQ*, Dordrecht: Reidel, 1979.

[2] Dowty, D., *Thematic proto roles and argument selection*, Language 67, tr.547-619, 1991.

[3] Hinrichs, E., *A compositional semantics for Aktionsa Nen and NP reference. Ohio (Ph.D. Dissertation, Ohio State University)*, 1985.

[4] Krifka, M., *Nominal reference, temporal constitution and quantification in event semantics*, In R. Bartsch, J. van Benthem, & P. van Emde Boas (Eds.), Semantics and contextual expressions, tr.75 115. Foris: Dordrecht, 1989.

[5] Krifka, Manfred, *Thematic relations as links between nominal reference and temporal constitution*, In *Lexical matters*, ed. Ivan Sag and Anna Szabolcsi. Stanford, CA: CSLI Publications, 1992.

[6] Tenny, Carol, *Grammaticalizing Aspect and Affectedness*, Ph.D. thesis, MIT, 1987.

[7] Tenny, Carol, *The aspectual interface hypothesis*, In Sag I. A. and Szabolcsi A., eds., *Lexical Matters*, 490-508. Stanford: CSLI Publications, 1992.

[8] Tenny, Carol, *Aspectual Roles and the Syntax - Semantic Interface*, Dordrecht: Kluwer, 1994.

[9] Vendler, Zeno, *Verbs and times*, *The Philosophical Review* 66, 143-160, 1957.

[10] Verkuyl, Henk J., *On the Compositional Nature of the Aspects*, Dordrecht: Reidel, 1972.

[11] Verkuyl, Henk J, *A Theory of Aspectuality: The Interaction between Temporal and Atemporal Structure*, Cambridge, UK: Cambridge Unversity Press, 1993.